

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29/03/2019

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Đức Lập

Các Hội thẩm nhân dân: ông Vũ Văn Thang

ông Nguyễn Đức Thành

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Long Cường - Cán bộ TAND huyện Thanh Trì - Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên tòa: bà Đặng Thị Sơn Cầm - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 58/2019/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 01 năm 2019, về việc “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐST-XX ngày 21 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Nguyễn Văn D sinh năm 1984

Trú tại: Đội 1, thôn Tranh Khúc, xã Duyên Hà, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: chị Cao Thị Thúy A sinh năm 1983

HKTT và nơi cư trú cuối cùng: Đội 1, thôn Tranh Khúc, xã Duyên Hà, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

(chị Thúy A đã bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì tuyên bố mất tích theo Quyết định số 12/2018/QĐST-VDS ngày 12/11/2018)

NHÂN THẤY

Trong đơn ly hôn và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn D trình bày:

- Về tình cảm: anh và chị Cao Thị Thúy A kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Duyên Hà, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội vào ngày 01/04/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà bố mẹ đẻ anh D đến khoảng đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và lối sống không phù hợp. Chị Thúy A ham chơi bời, cờ bạc, không quan tâm gì đến gia đình, chồng con. Gia đình hai bên nội ngoại và bản thân anh đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không có kết quả.

Khoảng tháng 08/2015, chị Thúy A tự ý bỏ nhà đi, không thông báo gì với ai và cũng cắt toàn bộ liên lạc với anh cũng như gia đình hai bên nội ngoại. Anh và gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi trong một thời gian dài nhưng không có kết quả nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố một người mất tích đối với chị Cao Thị Thúy A. Ngày 12/11/2018, Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì đã ra Quyết định số 12/2018/QĐST-VDS tuyên bố, chị Cao Thị Thúy A mất tích. Cũng từ thời gian đó đến nay, chị Thúy A không có bất kỳ liên lạc gì về để thăm hỏi chồng con. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Thúy A đã mất tích, nên anh xin được ly hôn với chị Cao Thị Thúy A.

- Về con chung: anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 06/01/2005 và cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 05/01/2012. Ly hôn, anh D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Huy và Bảo; không yêu cầu chị Thúy A phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Thúy A đã mất tích.

- Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngày 12/11/2018, Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì đã ra Quyết định số 12/2018/QĐST-VDS tuyên bố, chị Cao Thị Thúy A mất tích. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết Giấy triệu tập nhiều lần nhưng chị Thúy A vẫn vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: anh D vẫn giữ nguyên quan điểm, ý kiến như đã trình bày, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng theo quy định từ Điều 198 đến Điều 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành pháp luật đúng theo quy định tại Chương 6 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc Hội đồng xét xử ra bản án vắng mặt đối với bị đơn (do đã bị tuyên bố mất tích) là phù hợp quy định tại Điều 227 - Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc nội dung vụ án: đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D, xử cho anh D được ly hôn với chị Thúy A; giao cả hai con chung của anh chị cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng; anh D không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nhà đất và công nợ chung nên không xét.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp:** Quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn D và chị Cao Thị Thúy A là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh D và căn cứ theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn". Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. **Về sự vắng mặt của đương sự:** Bị đơn là chị Cao Thị Thúy A đã bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì - thành phố Hà Nội tuyên bố mất tích theo Quyết định số 12/2018/QĐST-VDS ngày 12/11/2018. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên HĐXX quyết định xét xử và ra bản án vắng mặt chị Thúy A là phù hợp quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. **Về yêu cầu khởi kiện:**

Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ vợ chồng giữa anh D và chị Thúy A, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Nguyễn Văn D và chị Cao Thị Thúy A kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Duyên Hà, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội vào ngày 01/04/2004. Quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn nên chị Thúy A bỏ đi biệt tích từ tháng 8/2015 đến nay không có tin tức gì. Chị Thúy A đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định số 12/2018/QĐST-VDS ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ chị Thúy A để hòa giải nhưng chị Thúy A vẫn vắng mặt. Đến nay, anh D khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không có cơ hội hàn gắn khi chị Thúy A cố tình bỏ chồng con đi biệt tích. HĐXX thấy mâu thuẫn của anh chị đã căng thẳng, khả năng đoàn tụ là không có nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D là phù hợp với khoản 2 Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: anh D và chị Thúy A có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 06/01/2005 và cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 05/01/2012; anh D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét đề nghị của anh D là chính đáng, phù hợp với thực tế là từ khi chị Thúy A bỏ đi biệt tích đến nay thì các con vẫn do anh D trực tiếp nuôi dưỡng và phát triển bình thường. Đến nay, chị Thúy A vẫn biệt tích nên không thể trực tiếp nuôi con và có khả năng cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, cả hai cháu H và Gia B cùng có nguyện vọng xin tiếp tục được ở với bố (là anh D). Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung và quan điểm của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 58; 81 và

83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Thúy A có nghĩa vụ, quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở theo Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5]. **Về tài sản chung, nhà đất chung và công nợ chung:** anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. **Về án phí:** anh D phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật;

[7]. **Về kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Các Điều 35; 39; 147; 227; 228; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 56, 53, 57, 58, 71, 81, 82 và 83 - Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về “mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn D. Anh Nguyễn Văn D được ly hôn với chị Cao Thị Thúy A .

2. Về con chung: xác nhận anh Nguyễn Văn D và chị Cao Thị Thúy A có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 06/01/2005 và cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 05/01/2012; Giao anh D trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Quang H và Gia B; chị Thúy A không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Thúy A có nghĩa vụ, quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà đất chung và công nợ chung: anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: anh Nguyễn Văn D phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp theo biên lai số AA/2016/08263 ngày 02/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì. Anh D đã nộp đủ án phí LHST.

4. Về kháng cáo: Anh D có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Chị Thúy A có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết./.

5. Về việc thi hành án : Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND thành phố Hà Nội.
- VKSND huyện Thanh Trì.
- Chi cục THA huyện Thanh Trì.
- UBND xã Duyên Hà.
- Dương sự.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Đức Lập

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 29 tháng 03 năm 2019

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Đức Lập**

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Thành - Ông Vũ Văn Thang

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 58/2019/TLST ngày 14 tháng 1 năm 2019 về việc xin ly hôn giữa:

Nguyên đơn: **anh Nguyễn Văn D** sinh năm 1984

Trú tại: Đội 1, thôn Tranh Khúc, xã Duyên Hà, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Bị đơn: **chị Cao Thị Thúy A** sinh năm 1983

HKTT và nơi cư trú cuối cùng: Đội 1, thôn Tranh Khúc, xã Duyên Hà, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

(chị Thúy A đã bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì tuyên bố mất tích theo Quyết định số 12/2018/QĐST-VDS ngày 12/11/2018)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

I. Về sự vắng mặt của đương sự:

Căn cứ: Điều 207, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Chị Cao Thị Thúy A là Người bị tòa án tuyên bố mất tích nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị Cao Thị Thúy A .

Kết quả biểu quyết nhất trí: 3/3 = 100%

II. Về Thẩm Quyền:

Căn cứ: Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Thanh Trì

Kết quả biểu quyết nhất trí: 3/3 = 100%

III. Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ: khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Quan hệ tranh chấp là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

Kết quả biểu quyết nhất trí: 3/3 = 100%

IV. Về giải quyết vụ án:

Căn cứ: các Điều 56, 53, 57, 58, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn D. Anh Nguyễn Văn D được ly hôn với chị Cao Thị Thúy A .

2. Về con chung: xác nhận anh Nguyễn Văn Đức và chị Cao Thị Thúy A có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang Huy, sinh ngày 06/01/2005 và cháu Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 05/01/2012; Giao anh D trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Quang Huy và Gia Bảo; chị Thúy A không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Thúy A có nghĩa vụ, quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà đất chung và công nợ chung: anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kết quả biểu quyết nhất trí: 3/3 = 100%

V. Về án phí:

- điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- anh Nguyễn Văn D phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp theo biên lai số AA/2016/08263 ngày 02/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì. Anh D đã nộp đủ án phí LHST.

Kết quả biểu quyết nhất trí: 3/3 = 100%

VI. Về Quyền kháng cáo:

- Căn cứ điều 271 và điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Anh D có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Chị Thúy A có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Kết quả biểu quyết nhất trí: 3/3 = 100%

VII. Về việc thi hành án:

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án

- Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 26 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết nhất trí: 3/3 = 100%

Nghị án kết thúc hồi..... ngày 29 tháng 3 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ